

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyển
2. Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nhiêu Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Lê Duy C, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Lê Duy C tại Việt Nam: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/9/2020 nguyên đơn chị Nhiều Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Duy C đăng ký kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2016 thì anh C đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu khi sang Đài Loan thì anh C vẫn liên lạc bình thường về cho gia đình, thời gian một năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có trao đổi với anh C về việc khởi kiện xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Duy C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012 và cháu Lê Duy Gia B, sinh ngày 06/8/2015, hiện tại các cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L còn trình bày: Hiện nay anh C vẫn ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh C nhưng anh C không cung địa chỉ ở Đài Loan cho chị, anh C vẫn liên lạc về cho chị gái anh C là chị Lê Thị N, sinh năm 1983; trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng chị gái anh C cũng không cung cấp địa chỉ cho chị nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Duy C.

Bị đơn anh Lê Duy C không có bản tự khai.

Ngày 09/10/2020 và ngày 23/10/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với chị gái của anh Lê Duy C là chị Lê Thị N, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu chị N thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nhiều Thị L và anh Lê Duy C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu chị N cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc chị N vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng

chị không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, đồng thời chị cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C gửi về.

Cháu Lê Thị Linh A trên bảy tuổi có đơn trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ Nhiều Thị L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nhiều Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Duy C vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; Biên bản làm việc với chị gái của anh C là chị Lê Thị N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: chị Nhiều Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh C là đúng quy định pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhiều Thị L. Xử cho chị Nhiều Thị L được ly hôn anh Lê Duy C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012 và Lê Duy Gia B, sinh ngày 06/8/2015 cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nhiều Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nhiều Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nhiều Thị L.

Đối với bị đơn anh Lê Duy C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với chị gái của anh C là chị Lê Thị N để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị N thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Nhiều Thị L và anh Lê Duy C; Yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu chị N cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan. Chị Lê Thị N trình bày: Anh C vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà chị N vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Duy C theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nhiều Thị L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lê Duy C, anh C hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 11396/QLXNC-PC về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 16/7/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì anh C xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 28/10/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nhiều Thị L và anh Lê Duy C kết hôn năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2016 thì anh C đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu khi sang Đài Loan thì anh C vẫn liên lạc bình thường về cho gia đình, thời gian một năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và cả hai bên cùng đưa ra quyết định ly hôn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Duy C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nhiều Thị L với anh Lê Duy C. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh C chung sống với nhau hạnh phúc, sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống,

sau khi anh C đi lao động tại nước ngoài thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện mâu thuẫn ngày càng căng thẳng dẫn đến hai vợ chồng cùng quyết định ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Xử cho chị L được ly hôn anh C.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nhiều Thị L và anh Lê Duy C có 2 con chung là cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012 và Lê Duy Gia B, sinh ngày 06/8/2015. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với chị L. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh C đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lê Duy C từ khi đi nước ngoài thì các con chung của anh C chị L vẫn do chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Ngoài ra, cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012. Hiện nay cháu trên 7 tuổi cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nhiều Thị L đề nghị được nuôi con chung là cháu Lê Thị Linh A và Lê Duy Gia B. Giao cho chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012 và cháu Lê Duy Gia B, sinh ngày 06/8/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lê Duy C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nhiều Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhiều Thị L.

1.Về hôn nhân: Chị Nhiều Thị L được ly hôn anh Lê Duy C.

2.Về nuôi con chung: Giao cho chị Nhiều Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Linh A, sinh ngày 15/9/2012 và cháu Lê Duy Gia B, sinh ngày 06/8/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Duy C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Nhiều Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000702 ngày 05/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nhiều Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lê Duy C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

